TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2022
V/v "Ly hôn giữa chị Lê Thị Tú N và anh Lục Hữu T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Đừng;

Bà Trần Thị Thúy Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tú N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Anh Lục Hữu T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Tú N trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2018 không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống không có con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tú N yêu cầu ly hôn với anh Lục Hữu T
Về con chung: do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về tài sản chung: chị N không yêu cầu giải quyết.
Về nợ chung: Chị N khai không có.

Anh Lục Hữu T là bị đơn trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2018, và không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống không có con chung. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do mâu thuẫn gia đình. Nay về quan hệ hôn nhân anh T không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có yêu cầu như sau:

Về con chung: do không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.
Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Anh T khai không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Tú N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lục Hữu T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N cho rằng chị và anh T mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, không có sự quan tâm chăm lo cho nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lục Hữu T. Anh T thì cho rằng vợ chồng chung sống với nhau có mâu thuẫn cự cãi nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất anh chị chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T khai không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Tú N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận chị Lê Thị Tú N và anh Lục Hữu T là vợ chồng.

Về con chung: Do chị N và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Tú N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007928 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh